| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ HOÀI NHƠN**<br>**TỈNH BÌNH ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 303/2024/DS-ST
Ngày: 20 - 8 - 2024
V/v"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Phường

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Cao Thanh Tâm

Ông Phan Văn Siêng

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Hồng Tuyền là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Ông Trương Văn Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1962

Địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

*2. Bị đơn*: Bà Cao Thị Diễm L, sinh năm 1981

Địa chỉ: B T, Khu phố C, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

(Bà M, bà L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày:*

Bà M và bà Cao Thị Diễm L có mối quan hệ quen biết với nhau.

Năm 2018, bà M có cho bà L mượn số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) để làm ăn. Bà M cho bà L mượn tiền làm ăn riêng, chồng bà L cũng không biết, không liên quan đến khoản nợ này. Năm 2020, bà L bị bể nợ nên bà M và bà L cấn trừ nợ với nhau và bà L có viết lại giấy nợ là bà còn nợ bà M số tiền 137.000.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu đồng). Trước đây, tại đơn khởi kiện bà M có trình bày là bà L đã trả cho bà M 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), tuy nhiên, bà M nhớ nhầm, thực tế bà L đã trả cho bà M được 28.100.000 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm nghìn đồng), hiện bà L còn nợ bà M số tiền 108.900.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu chín trăm nghìn đồng). Sau đó, bà M đã đòi nhiều lần nhưng bà L không trả nợ cho bà M.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Cao Thị Diễm L trả cho bà M số tiền 108.900.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu chín trăm nghìn đồng), không yêu cầu lãi suất, bà M không yêu cầu chồng bà L cùng có trách nhiệm trả nợ.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2024, bị đơn bà Cao Thị Diễm L trình bày:*

Năm 2018, bà L có mượn bà M số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) để làm ăn nhưng sau đó bà L bị bể nợ, không có khả năng trả nợ. Giữa bà L và bà M thỏa thuận cấn trừ nợ qua lại với nhau và bà L có viết giấy nợ, còn nợ lại bà M số tiền 137.000.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu đồng) như bà M trình bày là đúng.

Thời gian qua, bà L làm ăn trả dần được bà M số tiền 28.100.000 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm nghìn đồng). Hiện còn nợ bà M số tiền 108.900.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu chín trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, hiện nay bản thân bà L cũng không còn tài sản gì, số nợ trên bà L xin không phải trả nợ cho bà M nữa.

Vì lý do bận công việc và sức khỏe không ổn định nên bà L đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

*Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:* Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật; Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc bà Cao Thị Diễm L có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 108.900.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu chín trăm nghìn đồng), bà M không yêu cầu trả lãi suất nên không xem xét. Án phí dân sự sơ thẩm bà L chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Phạm Thị M yêu cầu bị đơn bà Cao Thị Diễm L trả tiền đã vay nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà L đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu phố C, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà M, bị đơn bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà M, yêu cầu bà L trả nợ, thấy rằng: Tại giấy ghi nội dung nhận nợ giữa bà M và bà L, bà L có ghi "Lánh nợ 1370000", không ghi lãi suất và thời gian trả nợ. Trong quá trình làm việc, bà M và bà L đều khai thống nhất là giữa hai bên có việc vay mượn tiền và cùng chốt lại số nợ là 137.000.000 đồng (Một trăm ba mươi bảy triệu đồng). Hai bên cũng thống nhất là thời gian qua, bà L có trả cho bà M được 28.100.000 đồng (Hai mươi tám triệu một trăm nghìn đồng), hiện bà L còn nợ bà M số tiền 108.900.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu chín trăm nghìn đồng) là có thật. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, bà M yêu cầu bà L trả đủ cho bà số tiền nói trên, còn bà L thì xin bà M không phải trả số tiền này.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự, trường hợp này được xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi nên bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý. Từ khi nộp đơn khởi kiện cho đến nay, bà M đã thông báo yêu cầu bà L trả nợ nhưng bà L cho rằng bà không còn tài sản gì nên xin không trả nợ. Điều này không được bà M chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà L không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà M. Do đó, việc bà M khởi kiện yêu cầu bà L phải trả cho bà M số tiền 108.900.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu chín trăm nghìn đồng) là phù

hợp theo quy định tại điều 463, 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà M không yêu cầu trả lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà L phải chịu 5.445.000 đồng (108.900.000 x 5%).

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 463, 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M. Buộc bà Cao Thị Diễm L có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 108.900.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu chín trăm nghìn đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà M không yêu cầu trả lãi suất.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị Diễm L phải chịu 5.445.000 đồng (Năm triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

Về tạm ứng án phí: Bà Phạm Thị M là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Phường**

-